

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2025

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH
DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI NGHỊ ĐỊNH 99/2019/NĐ-CP

Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các khoản 3, 4, 10, 12, 13, 15, 17, 23, 24, 28 và 34 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. 2. Nghị định này áp dụng đối với trường đại học, học viện (sau đây gọi chung là trường đại học), đại học và tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục đại học.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 11, khoản 5 Điều 16 của Luật Giáo dục đại học. 2. Hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục đại học về chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học từ thực sang cơ sở giáo dục đại học từ thực hoạt động không vì lợi nhuận.	
	Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này áp dụng đối với các cơ sở giáo dục đại học, giảng viên và người học, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến giáo dục đại học.	
Điều 2. Đặt tên, đổi tên cơ sở giáo dục đại học 1. Tên tiếng Việt của cơ sở giáo dục đại học bao gồm: a) Cụm từ xác định loại cơ sở giáo dục đại học: đại học, trường đại học, học viện; b) Cụm từ xác định lĩnh vực, ngành nghề đào tạo (nếu cần); c) Tên riêng bao gồm tên địa phương, tên danh nhân văn hóa, lịch sử, tên cá nhân, tổ chức (nếu có) và các tên riêng khác. 2. Tên giao dịch quốc tế của cơ sở giáo dục đại học được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, phải sử dụng các thuật ngữ bằng tiếng nước ngoài phù hợp với thông lệ quốc tế. Đối với trường đại học là thành viên của đại học, tên giao dịch quốc tế bằng tiếng nước ngoài do đại học quy định.	Điều 3. Đặt tên cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam 1. Nguyên tắc chung khi đặt tên a) Tên không được gây nhầm lẫn về loại hình, tính chất sở hữu, phạm vi hoạt động, cơ quan quản lý, chất lượng hoặc vị thế của cơ sở giáo dục đại học; không sử dụng từ ngữ thể hiện danh hiệu, thứ hạng. b) Không sử dụng từ ngữ, ký hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên của cơ quan nhà nước; đơn vị lực lượng vũ trang; tổ chức chính trị - xã hội; cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở giáo dục đại học khác trong nước; hoặc cơ sở giáo dục nước ngoài.	- Rà soát, điều chỉnh quy định cụ thể về nguyên tắc chung khi đặt tên và quy định về đặt tên (Khoản 1,2); - Bổ sung quy định về đặt tên phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam; quy định về đặt tên phân hiệu của cơ sở

3. Trường hợp thành lập mới hoặc đổi tên, tên tiếng Việt của cơ sở giáo dục đại học kèm tên giao dịch quốc tế, tên viết tắt được xác định trong đề án thành lập hoặc đề án đổi tên cơ sở giáo dục đại học; không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đại học khác đã thành lập hoặc đăng ký, bảo đảm sự trong sáng của ngôn ngữ, không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc; không được gây nhầm lẫn về đẳng cấp, thứ hạng trường hoặc nội dung chương trình giảng dạy. Đồng thời, tên của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục đại học. 4. Hồ sơ đổi tên bao gồm: a) Tờ trình đề nghị đổi tên cơ sở giáo dục đại học; b) Nghị quyết của hội đồng trường hoặc hội đồng đại học; c) Đề án đổi tên cơ sở giáo dục đại học: nêu rõ lý do và sự cần thiết phải đổi tên; báo cáo đánh giá tác động đối với người học, cán bộ, giảng viên và các bên liên quan; các giải pháp xử lý rủi ro sau khi thực hiện đổi tên (nếu có); d) Văn bản chấp thuận việc đổi tên của cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học đối với cơ sở giáo dục đại học công lập hoặc có sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. 5. Quy trình xử lý hồ sơ đổi tên như sau: a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào	c) Tên phải thể hiện đúng loại hình pháp lý, quyền cấp bằng và mức độ đào tạo theo quy định của pháp luật; việc sử dụng các từ “đại học”, “trường đại học”, “học viện” phải phù hợp với điều kiện thành lập và cơ cấu tổ chức được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. d) Tên không được sử dụng các từ, cụm từ mang tính “quốc gia” hoặc thể hiện vị thế đặc biệt (“quốc tế”, “quốc gia”, “Việt Nam”, “Hồ Chí Minh”, “International”, “National”, “State”) trừ khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. 2. Quy định về đặt tên cơ sở giáo dục đại học a) Cơ sở giáo dục đại học bắt buộc phải có tên tiếng Việt trừ trường hợp cơ sở giáo dục thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài. Tên tiếng Việt gồm: cụm từ xác định loại hình cơ sở giáo dục đại học (đại học, trường đại học, học viện); cụm từ xác định lĩnh vực, ngành nghề đào tạo (nếu cần); tên riêng, có thể là địa danh trong nước hoặc tên danh nhân văn hóa, lịch sử. b) Không ghép tiếng Việt và tiếng nước ngoài trong tên tiếng Việt; từ ngữ sử dụng phải có nghĩa, chuẩn mực, được dùng phổ biến trong tiếng Việt. c) Tên tiếng nước ngoài hoặc tên giao dịch quốc tế phải dịch tương đương từ tên tiếng Việt; không được làm tăng mức độ, vị thế hoặc loại hình so với tên tiếng Việt. d) Tên miền internet, tên thương mại, tên viết tắt sử dụng trong giao dịch phải nhất quán với tên tiếng Việt và tên tiếng nước ngoài; trường hợp dùng ký tự viết tắt phải bảo đảm không gây nhầm lẫn với cơ sở giáo dục khác. đ) Cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm đăng ký, công khai tên chính thức, tên viết tắt, tên tiếng nước ngoài và tên miền phục vụ hoạt động đào tạo, bảo đảm quản lý thống nhất và minh bạch. 3. Quy định về đặt tên phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam	giáo dục đại học Việt Nam (Khoản 3,4) - Bỏ quy định về đổi tên cơ sở giáo dục đại học (Quy định về đặt tên được quy định tại Điều 52 Luật Giáo dục (được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15) và nội dung này sẽ được quy định tại Nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (125/2024/NĐ-CP) và Nghị định quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (86/2018/NĐ-CP và 125/2024/NĐ-CP)
---	---	---

tạo gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục đại học và nêu rõ lý do. 6. Trường hợp đổi tên gắn với chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học từ thực sang cơ sở giáo dục đại học từ thực hoạt động không vì lợi nhuận hoặc chuyển trường đại học thành đại học hoặc liên kết các trường đại học thành đại học thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này và Điều 3 hoặc Điều 4 hoặc Điều 5 Nghị định này.	a) Tên phân hiệu bắt buộc gồm các thành tố sau: tên của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài bằng tiếng Việt; tên quốc gia nơi cơ sở giáo dục đại học đó được thành lập; cụm từ “Phân hiệu” kèm theo địa danh tương ứng. b) Tên tiếng nước ngoài của phân hiệu phải gồm đầy đủ: tên cơ sở giáo dục đại học nước ngoài; tên quốc gia của cơ sở giáo dục đại học đó; cụm từ “Campus” hoặc “Branch Campus” kèm theo địa danh tương ứng. c) Phân hiệu không được sử dụng tên hoặc từ ngữ có thể gây hiểu nhầm là cơ sở công lập, cơ sở quốc gia hoặc cơ sở được Chính phủ Việt Nam bảo trợ, bao gồm các từ: “National”, “State”, “Federal”, “Royal”, “Government”, hoặc từ tương tự trừ khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. d) Không được đặt tên phân hiệu theo cách tạo ấn tượng rằng phân hiệu có tính “quốc tế”, “liên chính phủ” hay có quyền cấp bằng độc lập nếu không được cơ quan có thẩm quyền cho phép. 4. Quy định về đặt tên phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học Việt Nam a) Tên phân hiệu gồm: cụm từ “phân hiệu”; tên cơ sở giáo dục đại học; tên địa phương nơi đặt phân hiệu. b) Tên phân hiệu phải phản ánh đúng phạm vi thẩm quyền và chức năng theo quy định của cơ quan có thẩm quyền; không được thể hiện mức độ, quyền hạn hoặc loại hình cao hơn cơ sở mẹ. c) Tên tiếng nước ngoài của phân hiệu phải dịch tương ứng với tên tiếng Việt, sử dụng cụm từ “Campus” hoặc “Branch Campus” kèm theo địa danh tương ứng. d) Không được sử dụng tên danh nhân, tên địa danh đặc biệt hoặc từ ngữ tạo ấn tượng độc lập với cơ sở giáo dục đại học, trừ khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.	
--	--	--

Điều 3. Chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận 1. Hồ sơ chuyển đổi bao gồm: a) Tờ trình đề nghị chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận, trong đó nêu rõ sự cần thiết phải chuyển đổi; tôn chỉ, mục đích hoạt động không vì lợi nhuận; phần vốn góp, phần tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia của cơ sở giáo dục đại học tư thực (nếu có); b) Văn bản cam kết của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với cơ sở giáo dục đại học tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục đại học hoạt động không vì lợi nhuận, bảo đảm thực hiện hoạt động không vì lợi nhuận, không rút vốn, không hưởng lợi tức; phần lợi nhuận tích lũy hằng năm thuộc sở hữu chung hợp nhất không phân chia để tiếp tục đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thực; c) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động; dự thảo quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; d) Các minh chứng khác kèm theo: Báo cáo kết quả kiểm toán, thỏa thuận giải quyết phần vốn góp cho nhà đầu tư không đồng ý chuyển đổi sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận (nếu có); các giấy tờ, tài liệu về đất đai, tài sản, tài chính, tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục đại học tư thực chuyển sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận; đ) Đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý; e) Quyết định thành lập cơ sở giáo dục đại học tư thực, quyết định công nhận hội đồng trường đương nhiệm, quyết định công nhận hiệu trưởng đương nhiệm của cơ sở giáo dục đại học tư thực và các tài liệu liên quan khác (nếu có). 2. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển đổi như sau: a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua dịch	Điều 4. Chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận 1. Điều kiện để cơ sở giáo dục đại học tư thực được chuyển đổi sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận: a) Đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Giáo dục đại học; b) Có báo cáo tài chính của đơn vị kiểm toán độc lập 02 năm liên tiếp; c) Cam kết của nhà đầu tư về việc phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thực không vì lợi nhuận. 2. Hồ sơ a) Tờ trình của cơ sở giáo dục đại học; b) Báo cáo về tình hình hoạt động; c) Nghị quyết của Nhà đầu tư với tỷ lệ tối thiểu 75% theo vốn góp quyết định chủ trương phát triển cơ sở giáo dục đại học tư thực không vì lợi nhuận và đồng ý cho phép cơ sở giáo dục đại học thực hiện thủ tục chuyển đổi mô hình hoạt động; d) Nghị quyết của Hội đồng trường. 2. Thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua Cổng dịch vụ công quốc gia; b) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục đại học và nêu rõ lý do; c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ và quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động.	- Quy định chi tiết khoản 3 Điều 47 Luật Giáo dục và hướng dẫn thi hành theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Luật Giáo dục đại học - Quy định rõ về điều kiện, hồ sơ, thủ tục chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tư thực sang cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.
---	--	--

vụ công trực tuyến thuộc cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho cơ sở giáo dục đại học tự thực và nêu rõ lý do.		
	Điều 4. Điều kiện và thẩm quyền công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đại học 1. Cơ sở giáo dục đại học được công nhận là đại học quốc gia khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: a) Là cơ sở giáo dục đại học đa lĩnh vực, trong đó có đào tạo trình độ tiến sĩ ở ít nhất sáu (06) lĩnh vực, gồm: Khoa học tự nhiên; Toán và thống kê; Kỹ thuật; Máy tính và công nghệ thông tin; Khoa học xã hội và hành vi; Nhân văn; Kinh doanh và quản lý. b) Xếp hạng đại học nằm trong TOP 200 các trường đại học hàng đầu thế giới theo bảng xếp hạng đại học uy tín trong 3 năm liên tiếp. c) Các trường đại học thành viên đạt chuẩn cơ sở đào tạo tiến sĩ. d) Có đề án phát triển đại học quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, xác định rõ: sứ mệnh đào tạo nhân tài, nghiên cứu khoa học cơ bản, ứng dụng và đổi mới sáng tạo cấp quốc gia; cơ chế quản trị đặc thù, mô hình tự chủ cao, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực công; vai trò trung tâm điều phối nghiên cứu, đào tạo liên vùng và hội nhập quốc tế. 2. Cơ sở giáo dục đại học được công nhận là đại học vùng khi đáp ứng các điều kiện sau: a) Là cơ sở giáo dục đại học công lập đa ngành, có ít nhất ba (03) trường đại học thành viên, được tổ chức theo mô hình đại học;	<i>K5.Đ11. Việc công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đại học thực hiện theo quy định của Chính phủ.</i>

	b) Đào tạo từ trình độ đại học đến tiến sĩ, trong đó có ít nhất năm (05) lĩnh vực đào tạo tiến sĩ, bao gồm: Khoa học tự nhiên; Khoa học xã hội và hành vi; Sư phạm; Kỹ thuật; Kinh doanh và quản lý. c) Có đề án phát triển thành đại học vùng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, trong đó xác định rõ: Sự cần thiết và vai trò của đại học trong phát triển vùng; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực và lộ trình triển khai; sự phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và quy hoạch vùng. 3. Điều kiện để công nhận đại học (không phải là đại học quốc gia, đại học vùng) như sau: a) Cơ sở giáo dục đại học đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp; b) Xếp hạng nằm trong TOP 500 Châu Á trong bảng xếp hạng đại học quốc tế có uy tín trong 3 năm liên tiếp. c) Có ít nhất 03 trường thuộc cơ sở giáo dục đại học được thành lập theo quy định tại Điều 6 Nghị định này; có ít nhất 10 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy trên 15.000 người; d) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý trực tiếp đối với trường đại học công lập; có sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. 4. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đại học.	
Điều 4. Chuyển trường đại học thành đại học và thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học 1. Điều kiện để chuyển trường đại học thành đại học như sau: a) Trường đại học đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp;	Điều 5. Điều kiện để được công nhận là đại học Cơ sở giáo dục đại học được công nhận là đại học khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: 1. Về pháp lý và chủ thể sở hữu a) Được cơ quan quản lý trực tiếp chấp thuận đối với trường đại học công lập; được sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường	- Quy định chi tiết khoản 4 Điều 11 Luật Giáo dục đại học. Thay việc chuyển trường đại học thành đại học bằng công nhận đại học

b) Có ít nhất 03 trường thuộc trường đại học được thành lập theo quy định tại khoản 4 Điều này; có ít nhất 10 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy trên 15.000 người; c) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý trực tiếp đối với trường đại học công lập; có sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp đối với trường đại học tư thực, trường đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. 2. Hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học bao gồm: a) Tờ trình đề nghị chuyển trường đại học thành đại học; nghị quyết của hội đồng trường; b) Đề án chuyển trường đại học thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, các minh chứng quy định tại khoản 1 Điều này; dự thảo quy chế tổ chức hoạt động của đại học; các giải pháp giải quyết rủi ro khi tiến hành chuyển đổi (nếu có); đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý. 3. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học như sau: a) Trường đại học gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho trường đại học và nêu rõ lý do. 4. Thành lập trường là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được quy định như sau: a) Điều kiện thành lập: Có ít nhất 05 ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo từ trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ít nhất 01 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy từ 2.000 người trở lên; có quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường thuộc cơ sở giáo dục đại học. Trường hợp thành lập trường chỉ để đào tạo các chương	đại học tư thực và trường đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. b) Đáp ứng điều kiện của cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Về tổ chức và cơ cấu ngành, quy mô đào tạo a) Có ít nhất 05 trường thuộc cơ cấu tổ chức, đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 11 của Nghị định này; b) Có tối thiểu 25 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ theo danh mục và quy định hiện hành. c) Quy mô đào tạo chính quy đạt từ 25.000 người trở lên tại thời điểm nộp hồ sơ. 3. Về đội ngũ giảng viên a) Tỷ lệ giảng viên quốc tế tham gia giảng dạy đạt tối thiểu 5% tổng số giảng viên tại thời điểm nộp hồ sơ; b) Đội ngũ giảng viên cơ hữu trình độ tiến sĩ đạt tối thiểu 60%. 4. Về đào tạo và người học a) Tỷ lệ người học trình độ sau đại học trên tổng quy mô đào tạo chính quy đạt tối thiểu 20%; b) Tỷ lệ sinh viên quốc tế theo học chương trình đào tạo chính quy cấp văn bằng đạt tối thiểu 3%. 5. Về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo a) Tỷ lệ sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bình quân đạt tối thiểu 2,5 điểm quy đổi trên một giảng viên/năm theo Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học của Chính phủ; b) Tỷ trọng thu từ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 20% tổng thu của cơ sở giáo dục đại học. 6. Các điều kiện quy định từ khoản 2 đến khoản 5 phải được duy trì liên tục tối thiểu 03 năm trước thời điểm nộp hồ sơ.	
---	---	--

trình theo định hướng ứng dụng thì không cần điều kiện đào tạo đến trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Trường hợp thành lập trường có quy mô đào tạo chính quy nhỏ hơn 2.000 hoặc có số ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ít hơn quy định này thì phải có sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào tính đặc thù của lĩnh vực hoặc trình độ đào tạo; b) Hồ sơ thành lập bao gồm: Đề án thành lập nêu rõ sự cần thiết thành lập trường, giải pháp thực hiện đề án; các minh chứng về điều kiện thành lập trường quy định tại điểm a khoản này; c) Hội đồng trường hoặc hội đồng đại học có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và ra quyết định thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo; d) Tên của trường phải bảo đảm không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đại học đã thành lập hoặc đăng ký, bảo đảm sự trong sáng của ngôn ngữ, không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tên giao dịch quốc tế của trường được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, phải sử dụng các thuật ngữ tiếng nước ngoài theo thông lệ quốc tế.		
Điều 5. Liên kết các trường đại học thành đại học 1. Điều kiện để các trường đại học liên kết thành đại học như sau: a) Có ít nhất 3 trường đại học cùng loại hình công lập hoặc cùng loại hình tư thục liên kết thành đại học hoặc có ít nhất 3 trường đại học là trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận liên kết thành đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận; b) Có dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đại học do các trường đại học liên kết với nhau xây dựng, trong đó xác định mục tiêu, sứ mạng chung; các quy định về tổ chức, tài chính, tài sản; các nội dung khác (nếu có); c) Có ý kiến chấp thuận của cơ quan quản lý trực tiếp trường đại học công lập hoặc có sự đồng thuận của các nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp tại mỗi trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. 2. Hồ sơ liên kết các trường đại học thành đại học bao gồm:		Bỏ không quy định hình thức này theo quy định của Luật Giáo dục đại học.

a) Tờ trình cùng đề nghị liên kết thành đại học của các trường đại học tham gia liên kết; b) Nghị quyết của các hội đồng trường về việc tham gia liên kết; c) Đề án liên kết thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, những thay đổi về mục tiêu, sứ mạng của các trường tham gia liên kết; dự thảo quy chế tổ chức, hoạt động của đại học; các giải pháp giải quyết rủi ro khi tiến hành liên kết (nếu có). 3. Quy trình xử lý hồ sơ như sau: a) Trường đại học đại diện các trường tham gia liên kết gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định tại Điều này, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho các trường đại học và nêu rõ lý do.		
Điều 104. Điều kiện công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2014/NĐ-CP) 1. Đại học và các trường đại học thành viên (nếu có) đạt tất cả các tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với cơ sở đào tạo tiến sĩ và được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Đang đào tạo tới trình độ tiến sĩ các ngành thuộc đủ các lĩnh vực: Khoa học tự nhiên, Toán và thống kê, Kỹ thuật, Máy tính và công nghệ thông tin, Khoa học xã hội và hành vi, Nhân văn, Kinh doanh và quản lý. 3. Có đề án phát triển thành đại học vùng, đại học quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và triển khai thực hiện phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm, quy hoạch vùng. Nội dung đề án cần nêu rõ: sự cần thiết phát triển thành đại học vùng, đại học quốc gia; mục tiêu phát triển thành đại học vùng,	Điều 6. Điều kiện công nhận đại học vùng, đại học quốc gia 1. Cơ sở giáo dục đại học được công nhận là đại học vùng hoặc đại học quốc gia khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: a) Có đề án phát triển thành đại học quốc gia hoặc đại học vùng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sự phạm, quy hoạch vùng; đề án phải xác định rõ sự cần thiết, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực và lộ trình thực hiện; b) Đáp ứng các điều kiện để được công nhận là đại học theo quy định tại Điều 5 của Nghị định này; c) Tổ chức đào tạo đầy đủ các trình độ gồm đại học, thạc sĩ và tiến sĩ đối với các ngành thuộc các lĩnh vực: khoa học	- Quy định chi tiết khoản 4 Điều 11 của Luật Giáo dục đại học. - Rà soát cập nhật quy định tại Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2014/NĐ-CP theo đó bổ sung quy định cơ sở giáo dục đại học phải đáp ứng các điều kiện để được công nhận là đại học; bổ sung thêm tổ chức đào tạo lĩnh vực đầy đủ các trình độ gồm đại học,

đại học quốc gia; các chỉ tiêu cần đạt để đại học có đủ năng lực thực hiện vai trò, sứ mệnh của đại học vùng, đại học quốc gia; các nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực và lộ trình thực hiện đề án để đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.	tự nhiên; toán và thống kê; kỹ thuật; máy tính và công nghệ thông tin; khoa học xã hội và hành vi; nhân văn; kinh doanh và quản lý; ngoại ngữ; d) Các trường đại học thành viên (nếu có) đáp ứng tiêu chuẩn, tiêu chí của Chuẩn cơ sở giáo dục đại học đối với cơ sở đào tạo trình độ tiến sĩ. 2. Các điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này phải được duy trì liên tục trong thời gian tối thiểu 03 năm trước thời điểm đề nghị công nhận.	thạc sĩ và tiến sĩ đối với các ngành thuộc các lĩnh vực ngoại ngữ; và các điều kiện phải được duy trì liên tục trong thời gian tối thiểu 03 năm trước thời điểm đề nghị công nhận.
Điều 105. Thẩm quyền và thủ tục công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2014/NĐ-CP) 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đại học vùng, đại học quốc gia	Điều 7. Thẩm quyền công nhận đại học, đại học vùng, đại học quốc gia 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đại học quốc gia. 2. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận đại học vùng, đại học.	
Điều 105. Thẩm quyền và thủ tục công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2014/NĐ-CP) 1. Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đại học vùng, đại học quốc gia. 2. Hồ sơ đề nghị công nhận đại học vùng, đại học quốc gia gồm: a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (theo Mẫu số 12 Phụ lục III kèm theo Nghị định này); b) Minh chứng về việc đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 104 Nghị định này; c) Báo cáo kết quả triển khai đề án phát triển thành đại học vùng, đại học quốc gia kèm theo các minh chứng về việc đã đáp ứng các mục tiêu, chỉ tiêu theo lộ trình của đề án; d) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng, đại học quốc gia; các quy định về tổ chức, tài chính, tài sản; các nội dung khác (nếu có). 3. Trình tự thực hiện: a) Đại học gửi 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu chính hoặc trực tiếp đến Bộ Giáo dục và Đào tạo;	Điều 8. Thủ tục công nhận đại học quốc gia 1. Hồ sơ đề nghị công nhận đại học quốc gia gồm: a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học quốc gia; b) Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định này; c) Đề án phát triển đại học quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; d) Dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của đại học quốc gia. 2. Trình tự thực hiện: a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ theo khoản 1 Điều này đến Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc hoàn trả hồ sơ, nêu rõ lý do; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và cơ quan liên quan tổ chức	Tách riêng thủ tục công nhận đại học quốc gia

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho đại học biết để sửa đổi, bổ sung; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, trong vòng 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế để đánh giá chính xác về tình hình triển khai đề án của đại học, lập báo cáo thẩm định, hoàn thiện hồ sơ gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và cơ quan, đơn vị liên quan cho ý kiến bằng văn bản; nếu chưa đủ điều kiện thì thông báo bằng văn bản cho đại học và nêu rõ lý do. Việc thẩm định thực tế do Hội đồng thẩm định thực hiện, thành phần Hội đồng thẩm định gồm: Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đại học đặt trụ sở chính thực hiện. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập và có nhiệm vụ tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tính khả thi và tính phù hợp với thực tế của hồ sơ đề nghị công nhận đại học vùng, đại học quốc gia để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm c khoản này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp các ý kiến, hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định; đ) Quyết định công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (theo Mẫu số 13 Phụ lục III kèm theo Nghị định này) được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.	thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế; lập báo cáo thẩm định và gửi các bộ, ngành liên quan để lấy ý kiến bằng văn bản. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; d) Việc thẩm định thực tế do Hội đồng thẩm định thực hiện. Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập, gồm đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở chính; Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế và tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tính khả thi và mức độ đáp ứng điều kiện; đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ ý kiến bằng văn bản của các bộ, ngành liên quan, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định công nhận đại học quốc gia; e) Quyết định công nhận đại học quốc gia được công bố công khai trên Cổng Pháp luật quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo và phương tiện thông tin đại chúng.	
Điều 105. Thẩm quyền và thủ tục công nhận đại học vùng, đại học quốc gia (Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2014/NĐ-CP)	Điều 9. Thủ tục công nhận đại học vùng 1. Hồ sơ đề nghị công nhận đại học vùng gồm: a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học vùng; b) Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 6 của Nghị định này. c) Đề án phát triển đại học vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. d) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng.	Tách riêng thủ tục công nhận đại học vùng

	2. Trình tự thực hiện: a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ theo khoản 1 Điều này đến Bộ Giáo dục và Đào tạo qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản đề yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc hoàn trả hồ sơ; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế thông qua Hội đồng thẩm định; lập báo cáo thẩm định trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. Trường hợp không đáp ứng điều kiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; d) Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập, gồm đại diện các đơn vị chức năng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở chính; Hội đồng thực hiện thẩm định hồ sơ, thẩm định thực tế (nếu cần) và tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận báo cáo thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận đại học vùng; e) Quyết định công nhận đại học vùng được công bố công khai theo quy định.	
Điều 4. Chuyển trường đại học thành đại học và thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học (Nghị định 99/2019/NĐ-CP) 2. Hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học bao gồm: a) Tờ trình đề nghị chuyển trường đại học thành đại học; nghị quyết của hội đồng trường; b) Đề án chuyển trường đại học thành đại học, trong đó nêu rõ sự cần thiết, các minh chứng quy định tại khoản 1 Điều này; dự thảo quy chế tổ chức hoạt động của đại học; các giải pháp giải quyết rủi ro khi tiến hành chuyển đổi (nếu có); đánh giá tác động của việc chuyển đổi về nhân sự, tài chính, tài sản và phương án xử lý.	Điều 10. Thủ tục công nhận đại học 1. Hồ sơ đề nghị công nhận đại học gồm: a) Tờ trình đề nghị công nhận đại học; b) Báo cáo về việc đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định này; c) Đề án phát triển đại học đã được phê duyệt theo thẩm quyền; d) Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học. 2. Trình tự thực hiện:	- Quy định chi tiết khoản 4 Điều 11 Luật Giáo dục đại học. Thay thủ tục chuyển trường đại học thành đại học bằng thủ tục công nhận đại học

3. Quy trình xử lý hồ sơ chuyển trường đại học thành đại học như sau: a) Trường đại học gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện kèm theo bản mềm đến Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc qua dịch vụ công trực tuyến thuộc cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc tính từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều này, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; c) Trường hợp hồ sơ không bảo đảm theo đúng quy định, trong thời hạn 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi văn bản thông báo cho trường đại học và nêu rõ lý do. 4. Thành lập trường là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được quy định như sau: a) Điều kiện thành lập: Có ít nhất 05 ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo từ trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ít nhất 01 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy từ 2.000 người trở lên; có quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường thuộc cơ sở giáo dục đại học. Trường hợp thành lập trường chỉ để đào tạo các chương trình theo định hướng ứng dụng thì không cần điều kiện đào tạo đến trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Trường hợp thành lập trường có quy mô đào tạo chính quy nhỏ hơn 2.000 hoặc có số ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ít hơn quy định này thì phải có sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào tính đặc thù của lĩnh vực hoặc trình độ đào tạo; b) Hồ sơ thành lập bao gồm: Đề án thành lập nêu rõ sự cần thiết thành lập trường, giải pháp thực hiện đề án; các minh chứng về điều kiện thành lập trường quy định tại điểm a khoản này; c) Hội đồng trường hoặc hội đồng đại học có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và ra quyết định thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo; d) Tên của trường phải bảo đảm không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đại học đã thành lập hoặc đăng ký, bảo đảm sự trong sáng của ngôn ngữ, không sử dụng từ ngữ, ký hiệu	a) Cơ sở giáo dục đại học gửi 01 bộ hồ sơ theo khoản 1 Điều này qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tiếp tại Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ chưa hợp lệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo bằng văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hoặc hoàn trả hồ sơ, nêu rõ lý do; c) Đối với hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế thông qua Hội đồng thẩm định; lập báo cáo thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định; d) Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập; thành phần gồm đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở chính; đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận báo cáo thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định công nhận đại học; e) Quyết định công nhận đại học được công bố công khai theo quy định.	
---	--	--

vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tên giao dịch quốc tế của trường được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, phải sử dụng các thuật ngữ tiếng nước ngoài theo thông lệ quốc tế.		
Điều 4. Chuyển trường đại học thành đại học và thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học (Nghị định 99/2019/NĐ-CP) 4. Thành lập trường là đơn vị đào tạo thuộc cơ sở giáo dục đại học theo khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học được quy định như sau: a) Điều kiện thành lập: Có ít nhất 05 ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo từ trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, ít nhất 01 ngành đào tạo đến trình độ tiến sĩ; có quy mô đào tạo chính quy từ 2.000 người trở lên; có quy định về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường thuộc cơ sở giáo dục đại học. Trường hợp thành lập trường chỉ để đào tạo các chương trình theo định hướng ứng dụng thì không cần điều kiện đào tạo đến trình độ thạc sĩ, tiến sĩ. Trường hợp thành lập trường có quy mô đào tạo chính quy nhỏ hơn 2.000 hoặc có số ngành thuộc cùng một lĩnh vực đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ ít hơn quy định này thì phải có sự đồng ý của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ vào tính đặc thù của lĩnh vực hoặc trình độ đào tạo; b) Hồ sơ thành lập bao gồm: Đề án thành lập nêu rõ sự cần thiết thành lập trường, giải pháp thực hiện đề án; các minh chứng về điều kiện thành lập trường quy định tại điểm a khoản này; c) Hội đồng trường hoặc hội đồng đại học có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và ra quyết định thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo; d) Tên của trường phải bảo đảm không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của cơ sở giáo dục đại học đã thành lập hoặc đăng ký, bảo đảm sự trong sáng của ngôn ngữ, không sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc. Tên giao dịch quốc tế của trường được dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, phải sử dụng các thuật ngữ tiếng nước ngoài theo thông lệ quốc tế.	Điều 11. Tiêu chí trường thuộc cơ sở giáo dục đại học làm điều kiện công nhận đại học Tiêu chí trường thuộc cơ sở giáo dục đại học làm điều kiện công nhận đại học được quy định như sau: 1. Có tối thiểu 05 ngành đào tạo tất cả các trình độ của giáo dục đại học; 2. Có quy mô đào tạo chính quy từ 5.000 người trở lên; 3. Năng lực nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo: a) Có kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ hoặc cấp quốc gia trong ba năm gần nhất; b) Tỷ lệ sản phẩm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bình quân đạt tối thiểu 2,5 điểm quy đổi trên một giảng viên/năm theo Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học của Chính phủ; c) Có ít nhất 01 nhóm nghiên cứu mạnh được thành lập và công nhận theo Quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học của Chính phủ hoạt động thường xuyên. 4. Các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này phải được duy trì liên tục trong thời gian tối thiểu 03 năm trước thời điểm đề nghị thành lập trường thuộc cơ sở giáo dục đại học. 5. Đối với các trường thuộc đào tạo các ngành lĩnh vực sức khỏe ngoài khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này phải có cơ sở thực hành là cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe của Chính phủ.	Cập nhật các tiêu chí của đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 và bổ sung một số tiêu chí về kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các tiêu chí để công nhận “đại học” được nghiên cứu bổ sung theo theo các tiêu chí của đại học nghiên cứu theo thông lệ thế giới.

Điều 6. Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học thành lập theo hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học thành lập theo hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bên ký kết nước ngoài được thực hiện theo quy định của hiệp định; nếu hiệp định đã được ký kết không quy định thì thực hiện theo Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.	Điều 12. Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chính phủ nước ngoài Tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với chính phủ nước ngoài được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên; nếu Hiệp định đã được ký kết không quy định thì thực hiện theo Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan.	
Điều 7. Quy trình, thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên khác của hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng của trường đại học công lập 1. Thủ tục thành lập hội đồng trường như sau: a) Đối với trường đại học mới thành lập: Cơ quan quản lý trực tiếp giao quyền hiệu trưởng để tham gia hội đồng trường lâm thời và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng cho đến khi có quyết định công nhận hiệu trưởng chính thức theo đề xuất của hội đồng trường. Cơ quan quản lý trực tiếp quyết định về hội đồng trường lâm thời như sau: số lượng, cơ cấu thành viên, cách tổ chức bầu các thành viên bầu, chỉ đạo tổ chức thực hiện việc bầu các thành viên bầu và bầu chủ tịch hội đồng trường lâm thời theo quy định đối với hội đồng trường tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; ra quyết định công nhận hội đồng trường lâm thời và chủ tịch hội đồng trường lâm thời trước khi trường đại học đề nghị cho phép hoạt động đào tạo; nội dung quyết định ghi rõ thời gian hoạt động của hội đồng trường lâm thời, tối đa không quá 12 tháng kể từ khi được cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận. Việc thành lập hội đồng trường chính thức được thực hiện theo quy định tại điểm d khoản này. b) Đối với trường đại học đang hoạt động nhưng chưa thực hiện quy định của pháp luật về thành lập hội đồng trường, trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tập thể lãnh		Bỏ Hội đồng trường đối với trường công lập và bỏ việc công nhận hiệu trưởng của trường đại học công lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15

đạo phải chỉ đạo thành lập hội đồng trường theo quy định tại điểm d khoản này;

c) Đối với trường đại học đang có hội đồng trường: Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhiệm kỳ của hội đồng trường còn dưới 6 tháng thì hội đồng trường hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ; đồng thời, tập thể lãnh đạo phải chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp theo quy định tại điểm d khoản này. Trường hợp đến ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà nhiệm kỳ của hội đồng trường còn từ 6 tháng trở lên thì thực hiện như sau:

Nếu hội đồng trường đã được thành lập theo đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và quy định của Đảng tại thời điểm thành lập thì hội đồng trường hoạt động đến hết nhiệm kỳ, quyết định nhân sự hiệu trưởng và thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học.

Nếu hội đồng trường được thành lập chưa theo đúng quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và quy định của Đảng tại thời điểm thành lập thì trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, tập thể lãnh đạo phải chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường của nhiệm kỳ mới theo quy định tại điểm d khoản này. Hội đồng trường của nhiệm kỳ mới quyết định nhân sự hiệu trưởng và thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của trường đại học;

d) Cuối mỗi nhiệm kỳ hoặc theo quy định tại điểm b và điểm c khoản này, tập thể lãnh đạo chỉ đạo thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường của nhiệm kỳ mới theo quy định của Đảng, quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học và các quy định sau: Tập thể lãnh đạo đề xuất cơ quan quản lý trực tiếp cử đại diện tham gia hội đồng trường; thống nhất về số lượng, cơ cấu thành viên hội đồng trường với đại diện cơ quan quản lý trực tiếp và các thành viên đương nhiên khác của hội đồng trường (nếu quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học chưa quy định); chỉ đạo thực hiện việc bầu các thành viên của hội đồng trường theo

từng cơ cấu; tổ chức các thành viên hội đồng trường bầu chủ tịch hội đồng trường.

Việc tổ chức giới thiệu các thành viên bầu, sử dụng hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học, tỷ lệ tham gia hội nghị đại biểu (nếu có) phải được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học; nếu sử dụng hội nghị đại biểu thì số đại biểu phải chiếm trên 50% so với tổng số. Trường hợp quy chế tổ chức và hoạt động chưa quy định thì tập thể lãnh đạo thống nhất với đại diện cơ quan quản lý trực tiếp và các thành viên đương nhiên khác của hội đồng trường để chỉ đạo thực hiện; sau khi được công nhận, hội đồng trường phải chỉ đạo sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, bao gồm nội dung nêu trên.

Trước khi kết thúc nhiệm kỳ ít nhất 30 ngày làm việc, tập thể lãnh đạo có trách nhiệm hoàn thiện, gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường của nhiệm kỳ mới.

đ) Tập thể lãnh đạo quy định trong khoản này là tập thể lãnh đạo của trường đại học bao gồm: ban thường vụ Đảng ủy hoặc cấp ủy (nơi không có ban thường vụ Đảng ủy), chủ tịch hội đồng trường, phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng. Tập thể lãnh đạo do chủ tịch hội đồng trường hoặc hiệu trưởng (trong thời gian chưa có chủ tịch hội đồng trường) chủ trì; làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, trường hợp tập thể lãnh đạo là số chẵn, có kết quả biểu quyết hoặc bỏ phiếu 50/50 thì quyết định theo ý kiến của bên có người chủ trì.

2. Thủ tục thay thế chủ tịch, thành viên hội đồng trường như sau:

a) Trường hợp chủ tịch hội đồng trường bị khuyết (bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều này, hết tuổi đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật, chuyển công tác, mất) thì phó chủ tịch (nếu có), hoặc thư ký (nếu không có phó chủ tịch) tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới theo quy định

tại điểm c khoản 1 và gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều này đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận;

b) Trường hợp hội đồng trường bị khuyết thành viên thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của các thành viên bị khuyết để chỉ đạo lựa chọn thành viên thay thế, phù hợp với quy định của pháp luật và quy chế tổ chức, hoạt động của trường đại học; gửi 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận. Tờ trình nêu rõ lý do thay thế thành viên hội đồng trường kèm theo các hồ sơ minh chứng liên quan (nếu có);

3. Trường hợp thành viên ngoài trường đại học trúng cử làm chủ tịch hội đồng trường thì cơ quan quản lý có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định của pháp luật để chủ tịch hội đồng trường trở thành cán bộ cơ hữu của trường đại học.

4. Thủ tục công nhận hội đồng trường như sau:

a) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường bao gồm: Tờ trình đề nghị công nhận hội đồng trường, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng trường; danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu, văn bản cử thành viên tham gia hội đồng trường của cơ quan quản lý trực tiếp và các tài liệu có liên quan;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của trường đại học, cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Sau khi được công nhận, hội đồng trường được sử dụng con dấu và bộ máy tổ chức của nhà trường để triển khai các công việc của hội đồng trường; chủ tịch hội đồng trường được hưởng phụ cấp chức vụ cao nhất trong danh mục phụ cấp chức vụ của trường đại học; phụ cấp chức vụ của phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có), thư ký hội đồng trường và các thành viên khác trong hội đồng trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

5. Bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, miễn nhiệm thành viên khác của hội đồng trường được quy định như sau: a) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường và miễn nhiệm thành viên hội đồng trường được thực hiện trong các trường hợp sau: Có đề nghị bằng văn bản của cá nhân xin thôi tham gia hội đồng trường; bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; không đủ sức khỏe để đảm nhiệm công việc được giao, đã phải nghỉ làm việc quá 6 tháng mà khả năng lao động chưa hồi phục; vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc đang chấp hành bản án của tòa án; có trên 50% tổng số thành viên của hội đồng trường đề nghị bằng văn bản về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm; hoặc trường hợp khác được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học. Trong trường hợp có đề xuất hợp pháp về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường thì phó chủ tịch hội đồng trường (nếu có) hoặc thư ký hội đồng trường (nếu không có phó chủ tịch hội đồng trường) hoặc một thành viên hội đồng trường được trên 50% thành viên hội đồng trường đề nghị (nếu đã có đề xuất hợp pháp quá 30 ngày mà phó chủ tịch hoặc thư ký hội đồng trường không thực hiện) chủ trì cuộc họp giải quyết; cuộc họp phải bảo đảm về tỷ lệ và thành phần tham gia, tỷ lệ biểu quyết theo quy định của pháp luật; b) Hội đồng trường có trách nhiệm xem xét, quyết định việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch, miễn nhiệm thành viên hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận. Hồ sơ gồm có: tờ trình nêu rõ lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm và các văn bản, minh chứng liên quan; c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của trường đại học, thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 6. Thủ tục quyết định nhân sự hiệu trưởng và công nhận hiệu trưởng như sau: a) Thủ tục quyết định nhân sự hiệu trưởng được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học, phù hợp với quy định của Đảng và pháp luật có liên quan. Trường hợp nhiệm kỳ		
---	--	--

của hiệu trưởng kết thúc đồng thời với nhiệm kỳ của hội đồng trường thì hiệu trưởng được kéo dài thời gian thực hiện nhiệm vụ cho đến khi cơ quan quản lý trực tiếp công nhận hiệu trưởng của nhiệm kỳ kế tiếp, trên cơ sở đề nghị của hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp; b) Sau khi quyết định nhân sự hiệu trưởng, hội đồng trường gửi tờ trình đề nghị công nhận hiệu trưởng tới cơ quan quản lý trực tiếp; trong đó nêu rõ quy trình xác định nhân sự hiệu trưởng theo quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và các minh chứng kèm theo; sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý của người được đề nghị công nhận hiệu trưởng; c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của hội đồng trường, thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp ra quyết định công nhận hiệu trưởng trường đại học; trường hợp không đồng ý, phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. 7. Tổ chức hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định riêng của Chính phủ. 8. Việc công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bỏ nhiệm, miễn nhiệm thành viên khác của hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng của trường đại học thành viên thuộc thẩm quyền của hội đồng đại học.		
Điều 8. Thủ tục thành lập hội đồng trường, công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, công nhận hiệu trưởng của trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận 1. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường của trường đại học tư thục như sau: a) Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường đối với trường đại học mới thành lập hoặc chưa có hội đồng trường: Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu xác định số lượng, cơ cấu hội đồng trường; cử hoặc bầu theo tỷ lệ vốn góp đối với: đại diện nhà đầu tư; thành viên ngoài trường đại học là nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hóa, nhà khoa học, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động; thành viên trong trường đại học		Bãi bỏ Điều này → Chuyển thẩm quyền quy định Thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT theo khoản 5 Điều 17 Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15

là đại diện giảng viên, người lao động trên cơ sở nhân sự được hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học do hiệu trưởng tổ chức giới thiệu, đại diện người học (nếu có) do tổ chức của người học giới thiệu. Người có tỷ lệ vốn góp cao nhất trong số các thành viên tham gia hội đồng trường chủ trì việc bầu chủ tịch hội đồng trường, đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường trước khi đề nghị cho phép hoạt động đào tạo (đối với trường mới thành lập) hoặc trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành;

b) Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp: Nhà đầu tư có thể trực tiếp hoặc uỷ quyền cho hội đồng trường đương nhiệm tổ chức thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trường theo quy định tại điểm a khoản này, đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường cho nhiệm kỳ kế tiếp;

c) Trường hợp chủ tịch hội đồng trường bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều này thì phó chủ tịch (nếu có), hoặc thư ký hội đồng trường (nếu không có phó chủ tịch) tổ chức họp hội đồng trường để bầu chủ tịch hội đồng trường mới theo quy định tại điểm b khoản này và điểm b khoản 3 Điều này đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ra quyết định công nhận;

d) Trường hợp có thành viên của hội đồng trường bị khuyết thì chủ tịch hội đồng trường căn cứ vào thành phần của thành viên bị khuyết để thực hiện quy trình lựa chọn thành viên thay thế theo quy định tại điểm b khoản này và gửi hồ sơ đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu công nhận bổ sung, thay thế thành viên hội đồng trường;

đ) Hồ sơ đề nghị công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường bao gồm: Tờ trình đề nghị công nhận, trong đó nêu rõ quy trình xác định các thành viên hội đồng trường; danh sách, sơ yếu lý lịch, văn bản đồng ý tham gia của chủ tịch và các thành viên của hội đồng trường; biên bản họp, biên bản kiểm phiếu bầu chủ tịch và các thành viên bầu của hội đồng trường;

e) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị của cơ sở giáo dục đại học, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch và các thành viên hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; g) Chế độ, điều kiện làm việc của hội đồng trường và các chức danh trong hội đồng trường được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường. 2. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường của trường đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận như sau: a) Đối với trường đại học mới thành lập: Hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu xác định số lượng, cơ cấu hội đồng trường; cử hoặc bầu đại diện nhà đầu tư tham gia hội đồng trường, trong đó xác định rõ người chủ trì thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường, bầu chủ tịch hội đồng trường. Người chủ trì có trách nhiệm tổ chức hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu của trường đại học bầu đại diện giảng viên, người lao động và các thành viên ngoài trường tham gia hội đồng trường; tổ chức các thành viên hội đồng trường theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học bầu chủ tịch hội đồng trường; đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường trước khi đề nghị cho phép hoạt động đào tạo; b) Đối với trường đại học đang hoạt động: hội đồng trường phải bảo đảm về cơ cấu, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học. Cuối mỗi nhiệm kỳ, chủ tịch hội đồng trường đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu cử hoặc bầu đại diện tham gia hội đồng trường nhiệm kỳ kế tiếp; tổ chức thực hiện quy trình thành lập hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp theo quy định tại điểm a khoản này và theo quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học. Trước khi kết thúc nhiệm kỳ ít nhất 30 ngày, chủ tịch hội đồng trường có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ, đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu trường đại học công nhận hội đồng trường và chủ tịch hội đồng trường của nhiệm kỳ kế tiếp;		
--	--	--

c) Trường hợp chủ tịch hội đồng trường bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; trường hợp có thành viên của hội đồng trường bị khuyết thì thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; hồ sơ đề nghị và thời hạn công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường thực hiện theo quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều này; chế độ, điều kiện làm việc của hội đồng trường và các chức danh trong hội đồng trường được quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

3. Bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường như sau:

a) Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định này;

b) Hội đồng trường xem xét, quyết nghị việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch hội đồng trường và gửi hồ sơ đề nghị hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu quyết định. Hồ sơ bao gồm: Tờ trình nêu rõ lý do các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm; các văn bản liên quan minh chứng cho các lý do miễn nhiệm, bãi nhiệm;

c) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị, hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu ra quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường; trường hợp không đồng ý thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Hội nghị nhà đầu tư được quy định trong Điều này là hội nghị của tất cả các nhà đầu tư được quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định sau:

a) Điều kiện, hình thức quyết định, tổ chức và hoạt động của hội nghị nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học.

b) Trước khi quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học có quy định cụ thể về hội nghị nhà đầu tư thì chủ tịch hội đồng quản trị (nếu có) hoặc đại diện đứng tên thành lập trường của các thành viên góp vốn (nếu không có hội đồng quản trị) triệu tập và chủ trì hội nghị nhà đầu tư. Hội nghị lần thứ nhất được coi là hợp pháp khi có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp tham

dự; nếu lần triệu tập thứ nhất chưa đủ tỷ lệ này thì từ lần triệu tập thứ hai (về cùng nội dung hội nghị) phải có số nhà đầu tư đại diện ít nhất 51% tổng số vốn góp tham dự hội nghị. Việc triệu tập hội nghị phải có nội dung rõ ràng, kèm theo dự thảo chương trình và các tài liệu liên quan; phải được gửi cho tất cả các thành viên góp vốn trước ít nhất 15 ngày tính đến ngày tổ chức hội nghị, bằng hình thức thư bảo đảm hoặc thư phát chuyển nhanh hoặc hình thức khác có thể xác định được việc gửi và nhận thông tin. Nội dung hội nghị phải được ghi trong biên bản và được thông qua ngay tại hội nghị, có chữ ký của người chủ trì và thư ký hội nghị để lưu trữ. Nghị quyết của hội nghị phải được số thành viên góp vốn đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của tất cả thành viên dự hội nghị thông qua bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín, phải được gửi đến tất cả thành viên góp vốn trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. 5. Thủ tục quyết định nhân sự hiệu trưởng và công nhận hiệu trưởng của trường đại học tư thục và trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thuộc thẩm quyền của hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu, thực hiện theo thủ tục được quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này. 6. Việc công nhận hội đồng trường; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng trường, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên khác của hội đồng trường; công nhận hiệu trưởng trường đại học thành viên của đại học tư thục và đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận thuộc thẩm quyền của hội đồng đại học, trừ trường hợp quy chế tổ chức và hoạt động của đại học tư thục và đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận quy định do hội nghị nhà đầu tư hoặc chủ sở hữu của đại học quyết định công nhận.		
Điều 9. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học 1. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng đại học công lập được hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật sửa đổi,		Bỏ hội đồng đại học theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15

bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và quy định tại Điều 7 Nghị định này. 2. Thủ tục thành lập, công nhận hội đồng đại học; công nhận, bãi nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng đại học của đại học tư thục và đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và quy định tại Điều 8 Nghị định này.		
Điều 10. Công nhận cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu 1. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với hoạt động nghiên cứu khoa học, đạt các tiêu chí sau: a) Đã công bố định hướng phát triển thành cơ sở giáo dục đại học nghiên cứu trong sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của cơ sở giáo dục đại học; được công nhận đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục; b) Có đơn vị thuộc, trực thuộc nghiên cứu khoa học cơ bản, nghiên cứu phát triển công nghệ nguồn; có tỷ lệ ngành đang đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ đạt từ 50% trở lên so với tổng số ngành đang đào tạo cấp bằng; trong 3 năm gần nhất, có quy mô tuyển sinh trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trung bình không thấp hơn 20% tổng quy mô tuyển sinh và cấp trung bình từ 20 bằng tiến sĩ trở lên trong một năm; c) Trong 3 năm gần nhất, tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao không thấp hơn 15% tổng thu của cơ sở giáo dục đại học; d) Trong 3 năm gần nhất, cơ sở giáo dục đại học công bố trung bình mỗi năm từ 100 bài báo trở lên và đạt tỷ lệ trung bình một giảng viên cơ hữu công bố mỗi năm từ 0,3 bài trở lên trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định danh mục tạp chí khoa học có uy tín làm cơ sở công nhận tiêu chí này; đ) Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên không quá 20; tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ không thấp hơn 50% tổng số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học; tỷ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư không thấp hơn 20% tổng giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ của cơ sở giáo dục đại học;		Bổ quy định phân loại cơ sở giáo dục đại học ứng dụng, đại học định hướng nghiên cứu theo quy định của Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15

e) Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường đại học công lập là giảng viên, cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo quy định về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập. Giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý cơ hữu của trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận là người lao động ký hợp đồng lao động có thời hạn 3 năm hoặc hợp đồng không xác định thời hạn theo Bộ luật Lao động, không là công chức hoặc viên chức nhà nước, không đang làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác; do trường đại học trả lương và chi trả các khoản khác thuộc chế độ, chính sách đối với người lao động theo các quy định hiện hành. 2. Căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều này và mục tiêu, sứ mạng, đề xuất của cơ sở giáo dục đại học với các minh chứng kèm theo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học kiểm định, công bố danh sách các cơ sở giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn định hướng nghiên cứu trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học; hằng năm, rà soát và đưa ra khỏi danh sách những cơ sở giáo dục đại học không còn đạt tiêu chuẩn trên; báo cáo kết quả về Bộ Giáo dục và Đào tạo. 3. Cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu được ưu tiên thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.		
Điều 11. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam 1. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và quy định hiện hành của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và thực hiện một số quy định cụ thể sau đây: a) Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có giám đốc, phó giám đốc phân hiệu và các đơn vị phục vụ phù hợp với yêu cầu hoạt động của phân hiệu; tổ chức và hoạt động của phân hiệu được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; b) Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do cơ sở giáo dục đại học quy định.		Bổ điều này, Luật Giáo dục đại học số số 125/2025/QH15 đã quy định về phân hiệu tại Điều 20. (Rà soát Nghị định 125/2024/NĐ-CP; Nghị định 124/2024/NĐ-CP và 86/2018/NĐ-CP)

2. Phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 15 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và thực hiện một số quy định cụ thể sau đây: a) Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài thành lập phân hiệu tại Việt Nam phải là cơ sở giáo dục đại học đang hoạt động hợp pháp, bảo đảm chất lượng theo quy định của nước sở tại; b) Có vốn đầu tư ít nhất là 500 tỷ đồng Việt Nam (không bao gồm các chi phí sử dụng đất); đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu, giá trị đầu tư thực hiện được trên 250 tỷ đồng; c) Đáp ứng các điều kiện khác về thành lập, hoạt động và thực hiện thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục như đối với cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; d) Chương trình đào tạo tại phân hiệu là chương trình có giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục còn hiệu lực hoặc được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật nơi cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đang hoạt động và chương trình giáo dục thường xuyên được cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tổ chức thực hiện tại phân hiệu theo khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; đ) Việc giải thể, đình chỉ hoạt động giáo dục của phân hiệu cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục như đối với cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.		
Điều 12. Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học 1. Điều kiện thành lập, cho phép hoạt động, đình chỉ hoạt động, giải thể tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Việt Nam được thực hiện theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục. 2. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học bao gồm: a) Xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy; bồi dưỡng, sử dụng, quản lý kiểm định viên; ban hành các văn bản nội bộ để tổ chức, triển khai		Bỏ Điều này vì Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15 không giao Chính phủ quy định mà giao 5. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định cơ sở giáo dục đại học, kiểm định

các hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; b) Tổ chức các hoạt động đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đại học và chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo yêu cầu của cơ sở giáo dục hoặc tổ chức có thẩm quyền, cấp và thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục. Việc đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục đối với chương trình đào tạo và cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng. c) Công khai giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục, danh sách hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục, danh sách kiểm định viên, kết quả hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trên trang thông tin điện tử của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; d) Tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục, quy trình kiểm định chất lượng giáo dục; các nguyên tắc hoạt động, điều kiện và tiêu chuẩn của tổ chức, cá nhân hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục; về giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; đ) Gửi báo cáo cho Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục để công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cung cấp hồ sơ, tài liệu kiểm định chất lượng giáo dục theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền; e) Hằng năm, trước ngày 31 tháng 12, gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trong năm, kế hoạch triển khai cho năm tiếp theo và các đề xuất, kiến nghị (nếu có) về Bộ Giáo dục và Đào tạo; g) Thực hiện trách nhiệm, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật. 3. Điều kiện và thủ tục để tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài được công nhận hoạt động tại Việt Nam được thực hiện		chương trình đào tạo, tiêu chuẩn kiểm định, hướng dẫn nội dung, quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng; công khai kết quả kiểm định; quy định về kiểm định viên, tổ chức và hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục; quy định về việc giám sát, đánh giá tổ chức kiểm định và thẩm định kết quả kiểm định. (Khoản 5 Điều 36)
--	--	---

theo quy định của Chính phủ về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.		
Điều 13. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục đại học Cơ sở giáo dục đại học thực hiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định sau: 1. Quyền tự chủ về học thuật và hoạt động chuyên môn a) Được quyền ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động tuyển sinh, đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế phù hợp quy định của pháp luật; b) Xác định, công bố công khai phương thức, chỉ tiêu tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý trực tiếp; c) Quyết định phương thức tổ chức và quản lý đào tạo đối với các trình độ, hình thức đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo phù hợp với quy định về Khung trình độ quốc gia Việt Nam, về chuẩn chương trình đào tạo, bảo đảm không gây phương hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích cộng đồng, không xuyên tạc lịch sử, ảnh hưởng xấu đến văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục và đoàn kết các dân tộc Việt Nam, hòa bình, an ninh thế giới, không có nội dung truyền bá tôn giáo; biên soạn, lựa chọn, thẩm định, phê duyệt và sử dụng tài liệu giảng dạy, giáo trình giáo dục đại học (trừ các môn học bắt buộc); tổ chức thực hiện, đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo của giáo dục đại học; thiết kế mẫu, in phôi, cấp phát, quản lý văn bằng, chứng chỉ phù hợp với quy định của pháp luật; d) Quyết định đào tạo từ xa, liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức vừa làm vừa học với cơ sở giáo dục trong nước đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; đ) Quyết định hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này; quyết định các hoạt động hợp tác quốc tế quy định tại các khoản 3, 5 và 6 Điều 44 của Luật Giáo dục đại học, phù hợp với quy định của pháp luật;		Bỏ Điều này → đưa vào Nghị định quy định về tự chủ của các cơ sở giáo dục

e) Nếu đủ điều kiện thực hiện quyền tự chủ theo quy định tại khoản 17 thì được tự chủ mở ngành đào tạo theo quy định tại khoản 18, được tự chủ liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định tại khoản 30, Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Các đại học được tự chủ ra quyết định mở ngành, liên kết đào tạo với nước ngoài cho trường đại học thành viên và đơn vị đào tạo thuộc đại học khi đáp ứng điều kiện mở ngành theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 33 và điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài quy định tại Điều 45 của Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung). Các trường đại học thành viên của đại học được tự chủ ra quyết định mở ngành, liên kết đào tạo với nước ngoài khi đáp ứng điều kiện mở ngành theo quy định tại khoản 3 Điều 33 và điều kiện liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định tại khoản 5 Điều 45 của Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung), phù hợp với quy chế tổ chức và hoạt động của đại học. Cơ sở giáo dục đại học chưa đáp ứng điều kiện theo quy định tại Khoản 17 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học thì thực hiện mở ngành, liên kết đào tạo với nước ngoài theo quy định của pháp luật. g) Thực hiện các quyền tự chủ khác về học thuật và hoạt động chuyên môn phù hợp với quy định của pháp luật. 2. Quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự a) Cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; có quyền tự chủ về tổ chức, bộ máy và nhân sự để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn nhưng không được làm tăng số lượng người làm việc hưởng lương, mức lương (bao gồm cả lương và phụ cấp) từ quỹ lương do ngân sách nhà nước cấp; b) Cơ sở giáo dục đại học tư thực, cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa		
--	--	--

đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; có trách nhiệm công bố công khai về cơ cấu tổ chức, người đại diện theo pháp luật trên trang thông tin điện tử của nhà trường; c) Các cơ sở giáo dục đại học phải ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tổ chức bộ máy và nhân sự; thực hiện các quyền tự chủ về tổ chức bộ máy và nhân sự khác theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và pháp luật có liên quan; d) Việc thành lập phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học, thành lập doanh nghiệp trực thuộc cơ sở giáo dục đại học thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành. 3. Quyền tự chủ về tài chính và tài sản a) Cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện quyền tự chủ về tài chính và tài sản theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định hiện hành về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; b) Cơ sở giáo dục đại học tư thực, cơ sở giáo dục đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận thực hiện quyền tự chủ về tài chính và tài sản theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật khác có liên quan; được Nhà nước hỗ trợ phát triển phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và các quy định về đầu tư phát triển giáo dục đại học; c) Các cơ sở giáo dục đại học phải ban hành, tổ chức thực hiện quy định nội bộ về tài chính và tài sản, thực hiện các quyền tự chủ về tài chính và tài sản khác theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và pháp luật khác có liên quan. 4. Trách nhiệm giải trình a) Cơ sở giáo dục đại học thực hiện đầy đủ các quy định, yêu cầu về chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; gửi các quy định nội bộ được nêu tại điểm b, khoản 2 Điều 16 của Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung) và các quy định, quyết định nêu tại các điểm a, d và e khoản 1 Điều này về Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30		
---	--	--

ngày, kể từ ngày ban hành để phục vụ công tác quản lý nhà nước về giáo dục đại học;

b) Chịu trách nhiệm trước người học, chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan về việc bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định của pháp luật, quy định nội bộ và cam kết của cơ sở giáo dục đại học;

c) Thực hiện công khai đầy đủ trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học về các nội dung: sứ mạng, tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học; các quy chế, quy định nội bộ; danh sách giảng viên theo ngành, trình độ, chức danh và các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo khác; kết quả kiểm định chương trình đào tạo, kiểm định cơ sở giáo dục đại học; chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, kế hoạch tổ chức đào tạo; đề án tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh, danh sách nhập học và tốt nghiệp hằng năm theo ngành, trình độ đào tạo, quy mô đào tạo và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp; mẫu văn bằng, chứng chỉ, danh sách cấp văn bằng, chứng chỉ cho người học hằng năm; chi phí đào tạo, mức thu học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và các khoản thu khác của người học cho từng năm học và dự kiến cả khóa học; chế độ, chính sách miễn, giảm học phí, học bổng; các nội dung khác theo quy định của pháp luật;

d) Công khai thông báo chỉ tiêu tuyển sinh, quyết định mở ngành, quyết định liên kết đào tạo cùng với hồ sơ chứng minh đủ điều kiện theo quy định lên trang thông tin điện tử của nhà trường trước khi thực hiện ít nhất 30 ngày làm việc; gửi thông báo, quyết định tới Bộ Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 30 ngày, tính từ ngày thông báo hoặc ra quyết định;

đ) Thường xuyên cập nhật cơ sở dữ liệu của nhà trường lên hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các văn bản đã ban hành, các quyết định, các hoạt động tự chủ thực hiện;

e) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định và công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục đại học, trừ những thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước.

5. Quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của Nghị định này và quy định của pháp luật có liên quan.		
Điều 14. Trình độ đào tạo đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù 1. Trình độ đào tạo đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù là trình độ của người đã tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù sau đây: a) Chương trình có khối lượng học tập từ 150 tín chỉ trở lên đối với người đã tốt nghiệp trung học phổ thông và tương đương hoặc có khối lượng học tập từ 30 tín chỉ trở lên đối với người đã tốt nghiệp trình độ đại học; b) Chương trình có khối lượng học tập từ 90 tín chỉ trở lên đối với người có trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. 2. Căn cứ vào quy định về điều kiện đầu vào, khối lượng học tập tối thiểu, chuẩn giảng viên, chuẩn đầu ra và các chuẩn khác trong chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, người tốt nghiệp chương trình đào tạo chuyên sâu đặc thù được xếp vào bậc tương ứng trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.		Bỏ không quy định vì chuyển thẩm quyền giao Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định (điểm d khoản 2 Điều 8 Luật Giáo dục đại học)
Điều 15. Văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học 1. Hệ thống văn bằng giáo dục đại học bao gồm: a) Bằng cử nhân cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 6 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của cơ sở đào tạo; b) Bằng thạc sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của cơ sở đào tạo; c) Bằng tiến sĩ cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu		Luật Giáo dục đại học không giao thẩm quyền Chính phủ, Luật Giáo dục (được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 123/2025/QH15 giao thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chi tiết.

ra bậc 8 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các quy định cụ thể, hợp pháp của cơ sở đào tạo; d) Văn bằng trình độ tương đương là văn bằng quy định tại khoản 2 Điều này. 2. Văn bằng đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống giáo dục đại học bao gồm bằng bác sĩ y khoa, bác sĩ nha khoa, bác sĩ y học cổ truyền, bằng dược sĩ, bằng bác sĩ thú y, bằng kỹ sư, bằng kiến trúc sư, và một số văn bằng khác theo quy định riêng của Chính phủ, được cấp cho người tốt nghiệp chương trình đào tạo quy định tại Điều 14 Nghị định này. 3. Chứng chỉ đối với một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được cấp cho người học đã hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp do bộ, cơ quan ngang bộ quy định hoặc cấp cho người học dự thi đạt yêu cầu cấp chứng chỉ, phù hợp với quy định về cấp chứng chỉ trong hệ thống giáo dục quốc dân.		
Điều 16. Hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học 1. Cơ sở giáo dục đại học thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ và quy định tại khoản 24 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học. 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học trong hoạt động khoa học và công nghệ bao gồm: a) Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật; b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định nội bộ về hoạt động khoa học công nghệ và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên cơ sở các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ; tạo điều kiện và khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ; c) Thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và quyết định của hội đồng trường, hội đồng đại học với mục đích		Bỏ Điều này → Có Nghị định quy định riêng về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

ứng dụng, triển khai, thương mại hoá các kết quả nghiên cứu và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công; d) Triển khai các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.		
Điều 17. Chuyển nhượng vốn và rút vốn đầu tư vào cơ sở giáo dục đại học 1. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu phần vốn góp của thành viên góp vốn trong trường đại học tư thục, trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận được quy định cụ thể trong quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế tài chính nội bộ của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với các quy định của pháp luật, bảo đảm sự ổn định, phát triển của cơ sở giáo dục đại học và phải tuân thủ các nguyên tắc chuyển nhượng sau đây: a) Người có nhu cầu chuyển nhượng thông báo các điều kiện chuyển nhượng với hội đồng trường; b) Hội đồng trường thông báo các điều kiện chuyển nhượng đến các thành viên góp vốn còn lại và công khai với người lao động của nhà trường với cùng điều kiện; thông báo phải có giá trị ít nhất 30 ngày, từ ngày thông báo; c) Việc chuyển nhượng thực hiện theo thứ tự: Giữa các thành viên góp vốn của cơ sở giáo dục đại học theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của từng thành viên; cho người lao động trong nhà trường nếu các thành viên góp vốn không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết; cho người không phải là thành viên góp vốn và người lao động trong cơ sở giáo dục đại học nếu người lao động của cơ sở giáo dục đại học không nhận chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng không hết. 2. Việc rút vốn góp vào trường đại học tư thục phải theo quy định của pháp luật, các quy chế của cơ sở giáo dục đại học và bảo đảm sự ổn định, phát triển của cơ sở giáo dục đại học. 3. Việc xử lý về tài chính, tài sản trong trường hợp cơ sở giáo dục đại học bị giải thể được áp dụng theo quy định của pháp luật.		Bỏ Điều này, Luật Giáo dục đại học đã quy định và không giao Chính phủ quy định về nội dung này.
	Điều 13. Thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, thuyên chuyển giám đốc, phó	- Theo quy định Khoản 3 Điều 16 của Luật

	giám đốc đại học quốc gia, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học 1. Thẩm quyền a) Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có thẩm quyền bổ nhiệm giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, phó giám đốc đại học quốc gia; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc; b) Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp cơ sở giáo dục đại học công lập có thẩm quyền bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc; c) Hội đồng trường cơ sở giáo dục đại học tư thục có thẩm quyền bổ nhiệm giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, phó hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học tư thục sau khi được nhà đầu tư đồng ý về phương án nhân sự; d) Người có thẩm quyền bổ nhiệm thì có thẩm quyền miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, chuyển chuyển giám đốc, phó giám đốc đại học quốc gia; giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học. 2. Thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển chuyển đối với giám đốc, phó giám đốc đại học quốc gia, giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học công lập thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức đối với viên chức quản lý. 3. Thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển chuyển đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các chức danh tương đương của cơ sở giáo dục đại học tư thục: a) Căn cứ tiêu chuẩn nhân sự theo quy định, hội đồng trường của cơ sở giáo dục đại học tư thục lựa chọn và đề xuất phương án nhân sự gửi nhà đầu tư. Sau khi nhà đầu tư	Giáo dục đại học (sửa đổi): Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, chuyển chuyển giám đốc đại học quốc gia; cơ quan quản lý trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ, điều động, chuyển chuyển hiệu trưởng, phó giám đốc đại học, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học công lập. → Dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền bổ nhiệm Phó giám đốc đại học quốc gia là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
--	---	--

	có ý kiến đồng ý bằng văn bản về phương án nhân sự thì hội đồng trường bổ nhiệm nhân sự; b) Trường hợp không có nhân sự hiệu trưởng hoặc tương đương mà hội đồng trường không hoạt động, thì nhà đầu tư có văn bản trực tiếp giao nhân sự đủ tiêu chuẩn hiệu trưởng để tạm thời thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của hiệu trưởng đến thời điểm hiệu trưởng được bổ nhiệm theo quy định; c) Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, chuyển chuyển chi tiết do cơ sở giáo dục đại học tự thực tự quyết định và được quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục đại học tự thực phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi về giám đốc đại học, phó giám đốc đại học, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và tương đương, cơ sở giáo dục đại học tự thực báo cáo bằng văn bản kèm theo minh chứng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cơ sở đặt trụ sở chính để theo dõi.	
Điều 19. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2020. 2. Bãi bỏ: Điều 2, khoản 2 Điều 3, Điều 6 Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học; khoản 4 Điều 7 Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục.	Điều 14. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. 2. Bãi bỏ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP và Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. 3. Bãi bỏ Mục 3 Chương VI Nghị định số 125/2024/NĐ-CP.	
Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp Các cơ sở giáo dục đại học công lập đang thực hiện thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ được thực hiện quyền tự chủ về tổ	Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp 1. Hồ sơ chuyển đổi cơ sở giáo dục đại học tự thực sang cơ sở giáo dục đại học tự thực hoạt động không vì lợi nhuận đang được cơ quan có thẩm quyền xem xét nhưng chưa có	

chức bộ máy và nhân sự, về tài chính và tài sản theo các quy định của Luật Giáo dục đại học, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và Nghị định này. Đề án tự chủ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt được thực hiện cho đến khi Chính phủ ban hành Nghị định mới về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, về số lượng người làm việc và vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.	quyết định phê duyệt trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thực hiện theo quy định của Nghị định số 99/2019/NĐ-CP. 2. Đại học quốc gia, đại học vùng, đại học đã có quyết định công nhận trước ngày 01 tháng 01 năm 2026 thì được tiếp tục hoạt động và phải đáp ứng quy định về điều kiện công nhận đại học quốc gia, đại học vùng, đại học của Nghị định này trong thời hạn 60 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.	
Điều 20. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện Nghị định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	Điều 11. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện Nghị định này. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	